

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 18/2004/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003

của Chính phủ về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;

Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước có hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh học cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái, có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia.
- Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có hoạt động trên các vùng đất ngập nước của Việt Nam.

II. PHÂN LOẠI ĐẤT NGẬP NƯỚC

Đất ngập nước là vùng ngập nước thường xuyên hoặc tạm thời, nước chảy hoặc nước tù, nước ngọt, nước phèn, nước mặn hoặc nước lợ. Đất ngập nước được phân thành đất ngập nước ven biển, đất ngập nước nội địa.

1. Đất ngập nước ven biển

Đất ngập nước ven biển là vùng ngập nước mặn, nước lợ ven biển, ven đảo có độ sâu không quá 6 mét khi thủy triều thấp gồm:

- Vùng nuôi trồng thủy sản;
- Bãi cát, sỏi, cuội;
- Ruộng muối;
- Bãi bùn, lầy ngập triều;
- Đầm phá;

- e) Cửa sông;
- g) Đồng bằng ven biển, ven sông có ảnh hưởng của thủy triều;
- h) Rừng ngập mặn;
- i) Thảm thực vật;
- k) Quần thể san hô.

2. Đất ngập nước nội địa

Đất ngập nước nội địa là vùng ngập nước ngọt, nước phèn gồm:

- a) Vùng đất lúa nước, cây ngập nước khác;
- b) Sông, suối, kênh rạch, mương, mặt nước chuyên dùng, thác nước;
- c) Hồ, ao;
- d) Đầm;
- đ) Rừng tràm;
- e) Bãi bùn, lầy;
- g) Hang, động ngầm.

Phần II

BẢO TỒN VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

I. TIÊU CHÍ BẢO TỒN

1. Việc xác định vùng đất ngập nước để bảo tồn theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước (sau đây gọi là Nghị định số 109/2003/NĐ-CP) căn cứ vào các tiêu chí sau:

- a) Có tính đại diện hoặc độc đáo của một vùng đất ngập nước tự nhiên;
- b) Là nơi cư trú, sinh sản thường xuyên hoặc theo mùa của nhiều giống, loài động vật, thực vật đặc hữu, quý hiếm hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng;
- c) Là vùng thường xuyên có mặt hơn 20.000 con chim nước hoặc hơn 1% số lượng quần thể toàn cầu hoặc khu vực của bất cứ giống, loài nào;
- d) Giữ vai trò quan trọng điều hòa nguồn nước, cân bằng sinh thái của một vùng và có giá trị đặc biệt về cảnh quan, môi trường;
- đ) Có giá trị đặc biệt về sinh thái nhân văn, di tích lịch sử, văn hoá đối với quốc gia, địa phương.

2. Vùng đất ngập nước có một trong các tiêu chí quy định tại điểm 1 Mục này, còn hơn 50% diện tích hệ sinh thái tự nhiên thì được khoanh vùng để bảo tồn.

II. HÌNH THỨC BẢO TỒN

1. Các vùng đất ngập nước đáp ứng tiêu chí bảo tồn nêu tại Mục I Phần này được khoanh vùng bảo vệ dưới hình thức: khu Ramsar, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài, sinh cảnh (sau đây gọi chung là khu bảo tồn đất ngập nước).

Việc xem xét xác định hình thức khu bảo tồn đất ngập nước được thực hiện dựa trên các yếu tố sau:

a) Khu Ramsar:

Có tính độc đáo hoặc đại diện của các vùng đất ngập nước, có vai trò quan trọng về thủy văn;

Có khả năng hỗ trợ cho các giống, loài động vật, thực vật quý hiếm hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng;

Có vị trí đặc biệt, là nơi cư trú của giống, loài động vật, thực vật tại thời điểm quan trọng trong vòng đời của chúng;

Có nguồn thức ăn quan trọng, là bãi đẻ trứng, bãi ương, tuyến đường di cư của các loài động vật thủy sinh, đặc biệt là cá trong hoặc ngoài khu đất ngập nước ở những nơi mà chúng phải phụ thuộc vào để sinh sống.

b) Khu bảo tồn thiên nhiên:

Có hệ sinh thái tự nhiên tiêu biểu, đa dạng sinh học cao, còn giữ được các đặc trưng cơ bản của tự nhiên;

ít bị tác động của con người;

c) Khu bảo tồn loài, sinh cảnh:

Có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn thiên nhiên, duy trì sự sống và phát triển của giống, loài động vật, thực vật;

Có khả năng bảo tồn những sinh cảnh, giống, loài động vật, thực vật;

Có mặt động vật, thực vật quý hiếm hoặc là nơi cư trú, di cư của động vật hoang dã quý hiếm;

Có giá trị về sinh thái nhân văn, di tích lịch sử, văn hoá.

2. Các vùng đất ngập nước không đáp ứng đầy đủ tiêu chí bảo tồn nêu tại Mục I Phần này nhưng có tầm quan trọng đối với địa phương và được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khoanh vùng bảo vệ thì được gọi chung là khu bảo tồn đất ngập nước.

III. THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

1. Trách nhiệm xây dựng dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước

Trách nhiệm xây dựng dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan tổ chức xây dựng dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia, liên quan đến nhiều ngành và nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản chủ trì tổ chức xây dựng dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước có tính chất chuyên ngành, có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia và nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức xây dựng dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước có toàn bộ diện tích nằm trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2. Nội dung dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước

Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước gồm những nội dung chính sau:

a) Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết về vùng đất ngập nước được đề nghị thành lập khu bảo tồn;

b) Ranh giới, diện tích vùng đất ngập nước cần bảo tồn kèm theo trích lục bản đồ khu bảo tồn;

c) Đánh giá tác động về kinh tế xã hội của việc khoanh vùng thành lập khu bảo tồn đất ngập nước, phương án hỗ trợ đối với các đối tượng bị ảnh hưởng do việc thành lập khu bảo tồn;

d) Thành phần Ban quản lý, dự thảo quy chế quản lý và kế hoạch quản lý cho từng loại khu bảo tồn;

đ) Hạng mục đầu tư bảo tồn vùng đất ngập nước.

IV. QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

1. Xác định ranh giới, diện tích, các phân khu chức năng của khu bảo tồn

a) Căn cứ quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo xác định ranh giới, diện tích và quyết định giao đất cho cơ quan quản lý khu bảo tồn.